

Số: 309/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế; bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-SoNNMT ngày 04 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Danh mục TTHC và quy trình điện tử giải quyết TTHC đính kèm), cụ thể:

1. Thủ tục hành chính:

a) Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 04 thủ tục hành chính (*02 thủ tục lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, 02 thủ tục lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm*).

- Sửa đổi, bổ sung, thay thế: **03** thủ tục hành chính cấp tỉnh, gồm: **02** thủ tục hành chính, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học được công bố tại Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính số 1.008675, 1.008682*); **01** thủ tục hành chính, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học ban hành được công bố tại Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.008672*).

- Bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm cấp tỉnh được công bố tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*mã thủ tục hành chính 1.004815*).

b) Cấp xã:

Sửa đổi, bổ sung: 02 thủ tục hành chính (*thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện chuyển về cấp xã*) được công bố tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 05 quy trình (*02 quy trình lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, 03 quy trình lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm*).

- Thay thế: **02** quy trình lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cấp tỉnh được công bố tại Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường,

Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mã thủ tục hành chính số 1.008675, 1.008682).

- Bãi bỏ: 01 quy trình lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Đồng Nai (mã thủ tục hành chính 1.004815).

b) Cấp xã:

Thay thế: 02 quy trình giải quyết hành chính (thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện chuyển về cấp xã), cụ thể:

- 01 quy trình giải quyết hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 18 tháng 07 năm 2024 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (mã TTHC số 1.012531).

- 01 quy trình giải quyết hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3432/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử, nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (mã TTHC số 1.012922).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Các nội dung khác tại các quyết định: 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2020; 2121/QĐ-UBND ngày 18 tháng 07 năm 2024; 3432/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024; 1333/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025; 1159/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025; 1513/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025; 2204/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật, cấu hình nội dung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được công bố theo Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM;
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 07 / 7 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
A.	CẤP TỈNH							
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC							
1	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận.	10 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Khoản 5, Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	(1)
2	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Cơ quan có thẩm quyền quyết định:	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số	(1)

¹ Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/06/2025

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
		động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học		công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Toàn trình)	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Nông nghiệp và Môi trường		136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Điều 11 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
II LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM								
3	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc. - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản - Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Khoản 5, Điều 26 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	(1)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
			lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc					
4	1.004819	- Tên mới: Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES - Tên cũ: Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm I và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục I CITES	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế: 15 ngày làm việc. - Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu: 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (không bao gồm thời gian chờ phản hồi từ Ban thư ký CITES) - Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam (không bao gồm 73 trường hợp cần kiểm tra thực tế; nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu): 09 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản - Cơ quan giải quyết TTHC: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh; Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản	Không thu phí	- Luật Lâm nghiệp 2017; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Điều 26, Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	(1)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ¹
5	1.008672	- Tên mới: Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên - Tên cũ: Cấp giấy phép khai thác loài thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	18 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	(1)

PHẦN II: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A.	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
I	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC							
1	1.008675	- Tên mới: Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ - Tên cũ: Cấp giấy phép trao đổi, mua,	15 ngày làm việc 1159	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu,	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ - Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	(1)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<i>bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ</i>		phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Toàn trình)	quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.			
2	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	27 ngày làm việc 1159	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh địa chỉ số 225, đường Võ Thị Sáu, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai. - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) (Toàn trình)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Không thu phí	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ - Điều 21 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	(1)
B CẤP XÃ								
I LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM								
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn cấp xã được giao	Không thu phí	- Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	(1)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				chính công cấp xã - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)				
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày	Nộp hồ sơ tại: - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã - Trực tuyến qua cổng dịch vụ công quốc gia (Một phần)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: UBND cấp Xã.	Không thu phí	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	(1)

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A	CẤP TỈNH		
I	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM		
1	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường



PHỤ LỤC
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM;
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

PHẦN I: THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
I. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC					
1. Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận. Mã TTHC 1.014021 - Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Xem xét, giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Chi cục Kiểm lâm	06 ngày làm việc		
Bước 3	Xem xét và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép	UBND tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
2. Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Mã TTHC 1.014022 - Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 2	Xem xét, hồ sơ gửi tham vấn cơ quan Cites	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Chi cục Kiểm lâm	12 ngày làm việc		
Bước 3	Xem xét và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Xem xét, phê duyệt Phương án	UBND tỉnh	1,5 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			16 ngày làm việc		

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

1. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES. Mã TTHC 1.004819 - Một phần

1.1. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Kiểm lâm

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

- Trường hợp cần kiểm tra thực tế:

Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
--------	---------------------------------------	-----------------	-------------------	--	--

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
		Chi cục Kiểm lâm			
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm	13 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm	22 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc		
- Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm	07 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			9 ngày làm việc		
2. Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES					
2.1. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Kiểm lâm					
- Trường hợp hồ sơ hợp lệ:					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục	0,25 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			3 ngày làm việc		
- Trường hợp cần kiểm tra thực tế:					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng	13 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
- Trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
khẩu					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng	22 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc		
- Trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Kiểm tra và giải quyết hồ sơ	Phòng Bảo vệ rừng	07 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt cấp mã số trại nuôi	Lãnh đạo Chi cục	01 ngày làm việc		
Bước 4	Nhận kết quả và trả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			9 ngày làm việc		
5. Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên. Mã TTHC 1.008672 - Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ và tổ chức thẩm định	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Chi cục Kiểm lâm	10 ngày làm việc		
Bước 3	Duyệt báo cáo thẩm định và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày làm việc		
Bước 5	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	UBND tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		

PHẦN II: QUY TRÌNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
A. CẤP TỈNH					
I. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC					
1. Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Mã TTHC: 1.008675 - Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc	Không thu phí	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ và tổ chức thẩm định	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Chi cục Kiểm lâm	10 ngày làm việc		
Bước 3	Duyệt báo cáo thẩm định và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	UBND tỉnh	02 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 6	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày làm việc		
2. Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học Mã TTHC: 1.008682 - Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	Bộ phận một cửa Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Kiểm tra hồ sơ, hoàn thành thẩm định và báo cáo lãnh đạo chi cục	Phòng Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học Chi cục Kiểm lâm	22 ngày làm việc		
Bước 3	Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày làm việc		
Bước 4	Duyệt báo cáo kết quả thẩm định và trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 6	Xem xét và ra Quyết định	Ủy ban nhân dân tỉnh	02 ngày làm việc		
Bước 7	Nhận kết quả từ văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận một cửa Chi cục Kiểm lâm	0,5 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			27 ngày làm việc		
B. CẤP XÃ					
I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM					
1. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng. Mã thủ tục: 1.012922					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp Xã	4 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày		
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày		
2. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân. Mã thủ tục: 1.012531 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa của xã	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ; Ký Quyết định	UBND xã/ phường	19 ngày		
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận Một cửa của Xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày		